TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2024/DS-ST
Ngày: 28-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản, hợp đồng mượn tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình.

2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản, hợp đồng mượn tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàn T - Chức vụ: Nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023) (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 273 N, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm: 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/5/2023, bà Nguyễn Thanh T có đến Công ty TNHH S nay là Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S) để ký hợp đồng số P2M230501026NA22X cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO 125, biển số 85B1-xxxxxx, số khung: MH1JM5120NKxxxxxx, số máy: JM51E2xxxxxx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 004xxx do Công an thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/10/2022, để vay số tiền 25.300.000 đồng, lãi suất 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn, phí quản lý hồ sơ 0.5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 22/5/2023 đến ngày 22/5/2024), phương thức thanh toán theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng thanh toán vào ngày 22 với số tiền 2.333.977,03 đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã giải ngân cho bà Nguyễn Thanh Th số tiền 25.300.000 đồng. Đồng thời, Công ty đã nhận bảo đảm số tiền cầm cố trên bằng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VARIO 125, biển số 85B1-xxxxxx, đăng ký tên chủ xe Nguyễn Thanh Th.

Cùng ngày, bà Th ký Giấy ủy quyền cho Công ty S được thay mặt bà *"quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng của tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc khai thác tài sản"* chiếc xe mang biển số 85B1-xxxxxx. Do không có phương tiện đi lại nên bà Th đã ký Giấy mượn xe với Công ty S để mượn lại chiếc xe biển số 85B1-xxxxxx đã được cầm cố, thời hạn mượn là 30 ngày (từ ngày 22/5/2023 đến ngày 22/6/2023), hai bên thỏa thuận phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 759.000 đồng/tháng (nếu bà Th thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 506.000 đồng/tháng), phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố là 1.000.000 đồng. Công ty S đồng ý và đã giao tài sản cầm cố là chiếc xe cho bà Th quản lý, sử dụng trong thời hạn nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vào các ngày 22/6/2023, 22/7/2023, 25/8/2023 và 26/9/2023, bà Th đã trả được số tiền 11.359.906 đồng (Trong đó, tiền gốc 7.903.892 đồng, tiền lãi 984.510 đồng, phí quản lý hồ sơ 447.504 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn 2.024.000 đồng). Từ ngày 22/10/2023 cho đến nay, bà Th không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và cử nhân viên đến gặp trực tiếp bà để yêu cầu bà thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của Công ty nhưng bà Th đều lẫn tránh, không hợp tác.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thanh Th phải giao trả lại chiếc xe mô tô hiệu HONDA VARIO 125, biển số 85B1-xxxxxx, số khung:

MH1JM5120NKxxxxxx, số máy: JM51E2xxxxxx đã cầm cố mà bà Th mượn lại của Công ty Cổ phần S.

- Trường hợp bà Nguyễn Thanh Th không thể trả lại chiếc xe cầm cố thì phải có nghĩa vụ thanh toán cả gốc lẫn lãi và các loại phí tới thời điểm hiện tại thông qua hợp đồng cầm cố.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu buộc bà Th phải giao trả lại chiếc xe hiệu HONDA VARIO 125, biển số 85B1-xxxxxx, phí bảo dưỡng và hao mòn, phí quản lý hồ sơ, phí phạt trễ hạn.

Giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thanh Th có nghĩa vụ thanh toán cả gốc lẫn lãi tại thời điểm hiện tại thông qua hợp đồng cầm cố đối với số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2024 là 20.498.556 đồng. Trong đó, nợ gốc là 17.396.108 đồng, nợ lãi trong hạn là 877.050 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.225.398 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024), bà Th còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Sau khi bà Th thanh toán hết nợ, Công ty sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 85 004xxx do Công an thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Nguyễn Thanh Th ngày 07/10/2022.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh Th: Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện đã rút và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty Cổ phần S yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thanh Th thanh toán số tiền còn nợ, tiền lãi theo hợp đồng cầm cố và trả lại tài sản; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; hợp đồng mượn tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 7, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Th đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ bà Th đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Th phải giao trả lại chiếc xe hiệu HONDA VARIO 125 biển số 85B1-xxxxxx, phí bảo dưỡng và hao mòn, phí quản lý hồ sơ, phí phạt trễ hạn. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Ngày 22/5/2023, bà Nguyễn Thanh Th có ký với Công ty S hợp đồng cầm cố số P2M230501026NA22X (kèm theo phụ lục hợp đồng cầm cố). Thông qua hợp đồng, Công ty S đã giải ngân cho bà Th số tiền 25.300.000 đồng và Công ty nhận bảo đảm khoản tiền vay đã giải ngân thông qua việc cầm cố chiếc xe hiệu HONDA VARIO 125, biển số 85B1-xxxxxx do bà Th đứng tên chủ sở hữu. Đồng thời, bà Th có ký giấy mượn lại chiếc xe nêu trên và được phía Công ty chấp nhận. Xét thấy, hợp đồng cầm cố và mượn xe được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung hợp đồng cầm cố:

Công ty S có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định *"Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, gồm: Kinh doanh dịch vụ cho vay tiền mà người vay tiền phải có tài sản hợp pháp mang đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ để cầm cố"*.

Điều 309 của Bộ luật Dân sự quy định "*Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây là gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ".*

Điều 2 của hợp đồng cầm cố số P2M230501026NA22X quy định *"SVN đồng ý nhận tài sản cầm cố của Khách hàng và cho Khách hàng cầm cố với số tiền là 25.300.000 VNĐ".*

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định mặc dù hình thức của hợp đồng số P2M230501026NA22X là hợp đồng cầm cố tài sản nhưng nội dung của hợp đồng là sự thỏa thuận về việc Công ty S cho bà Th vay số tiền 25.300.000 đồng và việc bà Th cầm cố chiếc xe HONDA VARIO 125, biển số 85B1-xxxxxx cho Công ty S thông qua hợp đồng này là phương thức bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ đã vay. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận về mức lãi suất 1,1%/ tháng, lãi chậm trả tương ứng 150% lãi suất quy định và các loại phí khác, các khoản thu này được tính theo mức %/tháng/dư nợ thực tế. Công ty S đã dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để tính lãi, phí và phạt hợp đồng nhằm mục đích thu lãi từ việc cho vay và việc bà Th cầm cố xe để nhận tiền và viết giấy mượn lại xe để dùng làm phương tiện đi lại thực chất là để che đậy mục đích giao dịch thật sự giữa hai bên là vay tiền có tính lãi. Do đó, có cơ sở xác định mục đích và nội dung hợp đồng được ký kết giữa các bên là hợp đồng vay có cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản.

Công ty S đã giải ngân đủ số tiền cho bà Nguyễn Thanh Th theo hợp đồng số P2M230501026NA22X ngày 22/5/2023. Quá trình thực hiện, bà Th mới chỉ thanh toán được một phần tiền cho nguyên đơn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh Th phải trả số tiền nợ gốc 17.396.108 đồng là phù hợp, nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Theo nội dung của hợp đồng cầm cố số P2M230501026NA22X ngày 22/5/2023, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 22/5/2023 đến ngày 22/5/2024, lãi suất cố định là 1.1%/tháng trên dự nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn tương ứng 150% lãi suất trong hạn. Hàng tháng, bà Th có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi là 2.333.977,03 đồng. Từ ngày 22/6/2023 đến ngày 26/9/2023, bà Th đã thanh toán được số tiền 11.359.906 đồng cho Công ty S mà không có ý kiến hay khiếu nại gì. Kể từ ngày 22/10/2023 đến nay, bà Th vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng, nên từ ngày 22/10/2023 Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà bà Th chưa thanh toán cho Công ty S tính đến ngày 28/9/2024 là 20.498.556 đồng (nợ gốc 17.396.108 đồng, nợ lãi trong hạn 877.050 đồng, nợ lãi quá hạn 2.225.398 đồng). Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu

tính lãi của Công ty S là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Về xử lý tài sản cầm cố: Tại phụ lục hợp đồng cầm cố (kèm theo hợp đồng cầm cố số P2M230501026NA22X ngày 22/5/2023) có quy định về việc xử lý tài sản cầm cố nhưng do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc buộc bà Nguyễn Thanh Th phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2024 là 20.498.556 đồng (trong đó, nợ gốc 17.396.108 đồng, nợ lãi trong hạn 877.050 đồng, nợ lãi quá hạn 2.225.398 đồng). Bà Th còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngay sau khi thanh toán hết nợ, Công ty có nghĩa vụ trả lại cho bà Th bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 85 004xxx do Công an thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/10/2022.

[2.3] Đối với hợp đồng mượn xe: Do nguyên đơn rút lại yêu cầu Tòa án buộc bà Th trả lại xe, trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 280, 309, 311, 312, 314, 315, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thanh Th phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tính đến ngày 28/9/2024 là 20.498.556 đồng (hai mươi triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc 17.396.108 đồng (mười bảy triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn một trăm lẻ tám đồng), nợ lãi trong hạn 877.050 đồng (tám trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm năm

mươi đồng), nợ lãi quá hạn 2.225.398 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thanh Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi bà Th thanh toán hết nợ, Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 85 004xxx do Công an thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/10/2022 cho bà Nguyễn Thanh Th.

Về xử lý tài sản cầm cố: Công ty Cổ phần S không yêu cầu giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về các nội dung buộc bà Nguyễn Thanh Th phải giao trả lại chiếc xe hiệu HONDA VARIO 125, biển số 85B1-xxxxxx, phí bảo dưỡng và hao mòn tài sản, phí quản lý hồ sơ, phí phạt trễ hạn.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thanh Th phải chịu 1.025.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Cổ phần S số tiền 694.000 đồng (sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002707 ngày 20/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trần Long